TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 785/2023/HC-PT
Ngày 7 – 9 – 2023
V/v: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số: 311/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2169/2023/QĐPT-HC ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Lê Thị Thúy L; địa chỉ: 52/84/40 đường N, Phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thúy L: Ông Trần Quang H cùng địa chỉ bà L (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. UBND thành phố V;

2.2. Chủ tịch UBND thành phố V;

Địa chỉ: 79 đường 30/4, Phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn L, Chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố V.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V: Ông Đặng Minh Q, Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố V (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V:

- Ông Phạm Văn P, Chức vụ: Phó phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V (có mặt).

- Ông Đặng Chí H, Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V (có mặt).

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Quang H, địa chỉ: 52/84/40 đường N, Phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Lê Thị Thúy L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2022, đơn khởi kiện ngày 28/9/2022 của bà Lê Thị Thúy L và Biên bản đối thoại ngày 02/02/2023 người đại diện hợp pháp của bà L trình bày:

Năm 2005 bà Lê Thị Thúy L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 59, tờ bản đồ 16, diện tích 884,8m^2 loại đất ở đô thị và trồng cây lâu năm, tại khóm 4, phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Năm 2008 UBND thành phố V thu hồi một phần thửa đất số 59 để làm đường, diện tích còn lại của thửa 59 là 56,7m^2. Đến ngày 19/9/2013 UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L 56,7m^2 loại đất trồng cây lâu năm. Ngày 27/12/2019 UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 8466/QĐ-UBND (sau đây gọi là quyết định thu hồi đất số 8466) thu hồi tiếp 19,9m^2 đất trồng cây lâu năm của thửa 59 để mở rộng đường, đồng thời ban hành Quyết định số 8292/QĐ-UBND (sau đây gọi là quyết định bồi thường, hỗ trợ số 8292) phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có danh sách kèm theo, tại mục số 126 bồi thường cho bà L 19,9m^2 đất trồng cây lâu năm bằng số tiền 53.359.860đ. Bà L đồng ý việc UBND thành phố V thu hồi 19,9m^2 đất để mở rộng đường, nhưng không đồng ý việc áp giá bồi thường theo giá đất trồng cây lâu năm nên bà khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố V yêu cầu áp giá bồi thường theo giá đất ở đô thị. Ngày 28/4/2022 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 1986/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu của bà.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Quyết định số 19/2007/QĐ-UBND ngày 16/10/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Long quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, Văn bản số 1468/UBND-KTN ngày 25/5/2010 của UBND tỉnh Vĩnh Long thì người bị thu hồi bao nhiêu đất sẽ được miễn tiền chuyển mục đích sử dụng đất tương ứng với giá trị thuế của diện tích bị thu hồi. Ngoài ra, theo kết quả đo đạc địa chính thửa đất (không ngày tháng năm) của chính quyền phát cho dân thì xác định 56,7m^2 thửa 59 là đất ở đô thị, Thông báo thu hồi đất số 358/TB-UBND ngày 09/01/2019 UBND thành phố V trong đó cũng xác định

phần đất dự kiến thu hồi của bà L 19,9m^2 là đất ở đô thị. Như vậy, sau khi thu hồi gần hết thửa đất 59 thì trách nhiệm của UBND thành phố V (cơ quan cấp giấy) phải cấp diện tích còn lại cho bà L loại đất ở để bà cất nhà ở ổn định cuộc sống thì mới đúng quy định pháp luật.

Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu:

1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 59, tờ bản đồ 16, diện tích 56,7m^2 loại đất trồng cây lâu năm do UBND thành phố V cấp cho bà L ngày 19/9/2013.

2. Hủy một phần quyết định thu hồi đất số 8466/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố V, tại mục 1 của quyết định ghi loại đất trồng cây lâu năm.

3. Hủy một phần quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất số 8292/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND thành phố V, tại mục số 126 của bảng tổng hợp giá trị bồi thường đất kèm theo nội dung ghi bồi thường cho bà Lê Thị Thúy L 19,9m^2 đất trồng cây lâu năm bằng 53.359.860 đồng.

4. Hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1989/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V.

5. Yêu cầu UBND thành phố V áp giá bồi thường 19,9m^2 đất cho bà theo giá đất ở đô thị.

Bà L xác định từ khi UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà diện tích 56,7m^2 loại đất trồng cây lâu năm đến nay bà chưa làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn sang đất ở. Ông Trần Quang H với tư cách người có quyền nghĩa vụ liên quan thống nhất ý kiến của bà L.

- Tại Văn bản phúc đáp số 5242/UBND-NC ngày 30 tháng 12 năm 2022, Văn bản phúc đáp số 5005/UBND-NC ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch UBND thành phố V và Biên bản đối thoại ngày 02/02/2023 Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V trình bày:

Năm 2008 UBND thành phố V thu hồi một phần thửa đất số 59 của bà L, diện tích thu hồi 821,3m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở và 621,3m^2 đất cây lâu năm), tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.374.790.400đ (trong đó có 500.000.000đ là tiền bồi thường của 200m^2 đất ở). Đối với diện tích đất còn lại của thửa 59 sau khi thu hồi là 56,7m^2, thì đến ngày 05/9/2013 bà L có đơn đăng ký biến động, và ngày 19/9/2013 UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà loại đất trồng cây lâu năm.

Ngày 27/12/2019 UBND thành phố V ban hành Quyết định số 8466/QĐ-UBND thu hồi tiếp 19,9m^2 đất trồng cây lâu năm của thửa 59 để mở rộng đường. Đồng thời ban hành Quyết định số 8292/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong đó bồi thường cho bà L 19,9m^2 đất trồng cây lâu năm bằng số tiền 53.359.860 đồng, bà L không đồng ý việc bồi thường cho bà theo giá đất trồng cây lâu năm nên khiếu nại yêu cầu bồi thường theo giá đất ở.

Ngày 28/4/2022 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 1986/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu của bà L.

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L, diện tích thu hồi là đất trồng cây lâu năm nên khi áp giá bồi thường phải áp giá đất trồng cây lâu năm không thể áp giá đất ở. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 31 và Điều 36 Luật đất đai 2003 thì việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở người sử dụng đất phải có đơn xin chuyển mục đích, được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, trong trường hợp này bà L chưa thực hiện thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định trên nên UBND thành phố V không đương nhiên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 59 cho bà L là đất ở được.

Từ những căn cứ trên, Người bị kiện xác định các quyết định hành chính nêu trên của UBND thành phố V, Chủ tịch UBND thành phố V được ban hành hợp pháp nên đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của ông H và bà L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, quyết định:

Áp dụng các Điều 11, 57, 74 Luật Đất đai năm 2013; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy L và ông Trần Quang H về việc:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 59, tờ bản đồ 16, diện tích 56,7m^2 loại đất trồng cây lâu năm do UBND thành phố V cấp cho bà Lê Thị Thúy L ngày 19/9/2013.

Hủy một phần quyết định thu hồi đất số 8466/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố V, tại mục 1 của quyết định ghi loại đất trồng cây lâu năm.

Hủy một phần quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất số 8292/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND thành phố V, tại mục số 126 của Bảng tổng hợp giá trị bồi thường đất có nội dung bồi thường 19,9m^2 đất thửa 59 loại đất CLN+NTS cho bà Lê Thị Thúy L số tiền 53.359.860 đồng.

Hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1986/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V.

Yêu cầu UBND thành phố V áp giá bồi thường 19,9m^2 đất thửa số 59 cho bà Lê Thị Thúy L theo giá đất ở.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, phần thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/4/2023, người khởi kiện là bà Lê Thị Thúy L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê

Thị Thúy L.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện bà Lê Thị Thúy L và người đại diện theo ủy quyền của bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V cùng những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về quan điểm giải quyết đối với đơn kháng cáo: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy các quyết định bị khởi kiện được ban hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy L là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp thêm tình tiết, chứng cứ nào mới chứng minh cho nội dung kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Thúy L có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Luật Tố tụng hành chính, được nộp trong thời hạn nên là kháng cáo hợp lệ, đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà Lê Thị Thúy L và ông Trần Quang H khởi kiện yêu cầu: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 59; hủy một phần quyết định thu hồi đất số 8466; hủy một phần quyết định bồi thường, hỗ trợ số 8292 tại mục số 126 của bảng tổng hợp giá trị bồi thường đất kèm theo; hủy quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 1986/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND thành phố V.

Do đó Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai, các quyết định hành chính này có liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của bà L nên bà L, ông H khởi kiện là đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 1986/QĐ-UBND được Chủ tịch UBND thành phố V ban hành ngày 28/4/2022 nội dung không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc đòi áp giá bồi thường 19,9m^2 đất cho bà theo giá đất ở đô thị. Đến ngày 31/5/2022 bà L nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầy hủy Quyết định giải quyết khiếu nại là còn trong thời hiệu khởi kiện, theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 59 được cấp năm 2013; Quyết định thu hồi đất số 8466/QĐ-UBND ngày 27/12/2019; Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 8292/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 thì tính từ thời điểm bà L nhận quyết định đến ngày khởi kiện là đã quá 01 năm. Tuy nhiên các quyết định này có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện là Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 1986/QĐ-UBND. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long vẫn xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính này là đúng quy định tại Điều 6 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đối tượng khởi kiện là Quyết định hành chính do UBND thành phố V, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý, giải quyết là đúng về thẩm quyền theo quy định tại Điều 30 và khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hình thức, thẩm quyền, thời hạn, trình tự thủ tục ban hành các Quyết định hành chính của UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V là hợp pháp, đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69, Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011 và Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

[2.2] Về nội dung ban hành quyết định.

[2.2.1] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 59, tờ bản đồ 16, diện tích 56,7m^2 loại đất trồng cây lâu năm do UBND thành phố V cấp cho bà L ngày 19/9/2013.

Năm 2005 bà Lê Thị Thúy L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 59, diện tích 884,8m^2 loại đất ở đô thị và trồng cây lâu năm (trong đó có 200m^2 đất ở và 684,8m^2 đất trồng cây lâu năm). Tại Quyết định thu hồi đất số 2754/QĐ- UBND ngày 16/10/2008 của UBND thị xã Vĩnh Long đã thu hồi một phần thửa 59 diện tích thu hồi là 821,3m^2 loại đất thổ vườn và theo Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của UBND thị xã Vĩnh Long phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất kèm theo (bút lục 266) thì bà L được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là 1.374.790.400 đồng (trong đó tiền bồi thường, hỗ trợ cho 200m^2 đất ở là 500.000.000 đồng, còn lại là tiền bồi thường, hỗ trợ của 621,3m^2 đất cây lâu năm).

Thửa đất số 59 đã bị thu hồi hết 200m^2 đất ở, diện tích còn lại toàn bộ là đất trồng cây lâu năm. Như vậy, UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng diện tích còn lại 56,7m^2 cho bà L loại đất trồng cây lâu năm là đúng mục đích sử dụng đất.

Xét thấy, mặc dù theo khoản 4 Điều 39 Quyết định số 19 ngày 16/10/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Long và Văn bản số 1468/UBND-KTN ngày 25/5/2010 của UBND tỉnh Vĩnh Long thì "khi bị thu hồi bao nhiêu đất, người bị thu hồi đất sẽ được miễn tiền chuyển mục đích sử dụng đất tương ứng với giá trị thuế của diện tích bị thu hồi".

Tuy nhiên theo quy định tại Điều 36 Luật Đất đai năm 2003 (tương ứng Điều 57 Luật Đất đai năm 2013) thì trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật. Việc miễn tiền chuyển mục đích sử dụng đất chỉ được đặt ra xem xét sau khi người sử dụng đất có đơn xin chuyển mục đích sử dụng và được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận. Nhưng trong trường hợp này, từ sau khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013 đến nay, bà L không có đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm sang đất ở và cũng không có khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để yêu cầu điều chỉnh mục đích sử dụng đất từ cây lâu năm thành đất ở. Ngoài ra pháp luật về đất đai không có quy định sau khi thu hồi đất, diện tích còn lại là đất trồng cây lâu năm đương nhiên sẽ được cấp giấy chứng nhận với mục đích sử dụng thành đất ở.

Do đó, Tòa cấp sơ thẩm không hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 59, bà L được cấp năm 2013 là đúng quy định.

[2.2.2] Đối với Quyết định thu hồi đất số 8466/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất số 8292/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND thành phố V.

Năm 2019 UBND thành phố V tiếp tục thu hồi một phần thửa đất 59 để mở rộng đường. Theo Quyết định thu hồi đất số 8466 và quyết định bồi thường hỗ trợ số 8292 của UBND thành phố V cùng ngày 27/12/2019 có bảng tổng hợp giá trị bồi thường đất kèm theo, tại số thứ tự 126 (bút lục 328-331) thể hiện: thu hồi của bà L là 19,9m^2 đất cây lâu năm, giá trị bồi thường bằng 53.359,860 đồng.

Xét thấy, theo Điều 11 và Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013 quy định thì việc xác định loại đất phải căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nguyên tắc bồi thường về đất thì việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L thì loại đất bị thu hồi là đất trồng cây lâu năm nên UBND thành phố V áp giá bồi thường cho bà L loại đất trồng cây lâu năm là đúng quy định pháp luật.

Đối với Thông báo thu hồi đất số 358/TB-UBND ngày 09/01/2019 của UBND thành phố V, ghi phần đất dự kiến thu hồi 19,9m^2 đất ở là không chính xác nên ngày 28/4/2022 UBND thành phố V đã điều chỉnh bằng Thông báo số

191/TB-UBND xác định lại phần đất dự kiến thu hồi của bà L là đất trồng cây lâu năm. Đối với kết quả đo đạc địa chính thửa đất (không ghi ngày tháng năm) xác định 56,7m^2 thửa 59 là đất ở đô thị, đây là tài liệu của cơ quan đo đạc theo dự án Vlap ghi nhận hiện trạng sử dụng đất, không phải là căn cứ để áp giá bồi thường khi thu hồi đất.

Do đó, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị hủy một phần quyết định thu hồi đất số 8466 và một phần quyết định bồi thường hỗ trợ số 8292 là có căn cứ.

[2.2.3] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1986/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V.

Như nhận định tại mục [2.2.2] nêu trên thì các Quyết định thu hồi đất số 8466/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất số 8292/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND thành phố V được ban hành đúng quy định của pháp luật đất đai. Do đó Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1986/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V là có căn cứ. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm cũng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1986 là đúng quy định.

[3] Người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thúy L.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị Thúy L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

[1] Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị Thúy L;

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 11, 57, 74 Luật Đất đai năm 2013; Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy L và ông Trần Quang H về việc:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 59, tờ bản đồ 16, diện tích 56,7m^2 loại đất trồng cây lâu năm do UBND thành phố V cấp cho bà Lê Thị Thúy L ngày 19/9/2013.

Hủy một phần quyết định thu hồi đất số 8466/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố V, tại mục 1 của quyết định ghi loại đất trồng cây lâu năm.

Hủy một phần quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất số 8292/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND thành phố V, tại mục số 126 của Bảng tổng hợp giá trị bồi thường đất có nội dung bồi thường 19,9m^2 đất thửa 59 loại đất CLN+NTS cho bà Lê Thị Thúy L số tiền 53.359.860 đồng.

Hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1986/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V.

Yêu cầu UBND thành phố V áp giá bồi thường 19,9m^2 đất thửa số 59 cho bà Lê Thị Thúy L theo giá đất ở.

[2] Các phần khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000404 ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

[4] Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Vĩnh Long; (1)
- VKSND tỉnh Vĩnh Long; (1)
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (2)
- NLQ; (1)
- Lưu VT (6), HS (2) T.17 (BA 36).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Long